

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phương Nhân và bà Bùi Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Cốc – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 207/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 03 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm: 1978. (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 5, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1975. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 5, phường P, thành phố Phan R, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phủ Hà ngày 10/8/2001. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung là Nguyễn Thị Yến Th, sinh ngày: 07/4/2002, hiện người con chung đã trưởng thành và lao động tự túc được.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau do ông T không lo làm ăn mà chỉ nhậu nhẹt say xỉn dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên năm 2016 bà đưa con vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống

còn ông T vẫn sinh sống ở địa phương và vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa. Nay vì mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Đã trưởng thành và lao động tự túc được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông không đến nên không có lời trình bày gì.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, còn bị đơn không chấp hành mặc dù Tòa án đã thông báo và tổng đạt hợp lệ nhiều lần. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường P, thành phố P. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Xử lý về việc vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bích H và ông Nguyễn Văn T xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn, vợ chồng bà H – ông T

sống chung tại nhà bà H ở khu phố 5, phường P, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm. Sau đó, vì bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau nên bà H đã đưa con vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, liên lạc gì với nhau nữa là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại Biên bản xác minh bà Nguyễn Thị G là mẹ của ông T cũng xác định vợ chồng không còn chung sống và cũng không liên lạc, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng bà H - ông T đã không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có một người con chung là Nguyễn Thị Yến Th, sinh ngày: 07/4/2002, hiện người con chung đã trưởng thành và lao động tự túc được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tại phiên tòa là phù hợp với những nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0003896 ngày 14/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- TAND tỉnh
- UBND phường Phú Hà (Số: 75/2001);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Bảo Châu